

Giới thiệu

Nhận cấp biên là một vấn đề thường xảy ra ở biên Đông. Khu vực biên được biết đến với các điểm ở Hông-kông, đảo Luzon và đảo Hôi Nam, được gọi là “tam giác Hôi Nam”, từng là khu vực hải tặc thường xuyên hoành hành. Mặc dù sự chú ý của quốc tế tập trung vào nhận cấp biên Xô-ma-li, nhưng vấn đề tại nhận gây ra bởi cấp biên ở biên Đông đã gia tăng trong năm 2009. Báo cáo được công bố bởi Trung tâm Chia sẻ Thông tin ReCAAP đã cho thấy các vấn đề tại nhận do hải tặc gây ra ở biên Đông đã thực sự tăng cao trong năm 2009: từ ba vụ kể từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2008 đã tăng lên 10 vụ trong cùng kỳ năm 2009.

Sự gia tăng này xảy ra đồng thời với việc gia tăng chung ở mức độ toàn cầu khi Các Hàng hải Quốc tế (IMB) của Phòng Thương mại Quốc tế của thông báo cho biết trong chín tháng đầu năm 2009 đã có tổng số 306 vụ đã được báo cáo cho Trung tâm báo cáo về tình hình hải tặc của IMB, trong khi tổng số vụ tấn công trong năm 2008 con số này chỉ là 293 vụ. Việc gia tăng các vụ tấn công đã cho thấy nhận cấp biên vẫn tồn tại như một mối lo ngại hàng đầu ở Đông Á.

Luật pháp quốc tế đã quy định các quốc gia có nghĩa vụ phối hợp tác trong việc trấn áp nhận cấp biên và trao cho những quốc gia này một số quyền hạn trong việc bắt giữ tàu cấp biên và tội phạm. Theo Công ước Luật biển 1982 của Liên Hợp Quốc (UNCLOS), tất cả các quốc gia có nghĩa vụ “hợp tác trong phạm vi cao nhất có thể để với việc trấn áp nhận cấp biên ở các vùng biển quốc tế hay ở bất cứ nơi nào khác năm ngoài thẩm quyền của bất cứ một quốc gia” và “mọi quốc gia có thể bắt giữ tàu thuyền hoặc máy bay của cấp biên, hay tàu thuyền hoặc máy bay ở cấp biên bắt giữ và đang năm dưới sự kiểm soát của cấp biên, có thể bắt giữ người và tịch thu tài sản trên tàu”. [\[1\]](#)

Tuy nhiên định nghĩa về cướp biển trong UNCLOS chỉ áp dụng đối với loại tội phạm quốc tế này ở những vùng biển quốc tế hay những khu vực nằm ngoài thẩm quyền của bất cứ một quốc gia, do vậy đã giới hạn việc áp dụng của nó đối với những hành động phạm tội tọng t trong các vùng lãnh hải và các khu vực hàng hải gần bờ biển. [2] Nhận thức được có rất nhiều vụ động đ v cướp biển xảy ra tại các vùng biển thuộc thẩm quyền quốc gia, Tổ chức Hàng Hải Quốc Tế (IMO) đã xây dựng một định nghĩa thiết thực đối với việc trấn áp nạn cướp biển: Trong khi giới nguyên ý nghĩa của định nghĩa về cướp biển trong UNCLOS, định nghĩa của IMO đã được bổ xung thêm “cướp có vũ trang đối với tàu thuyền”, và đã trở thành định nghĩa thích hợp phạm biển nhất cho mục tiêu của các hoạt động chống lại nạn cướp biển. Định nghĩa này hiện tại đã được Hội đồng Bảo An Liên Hợp Quốc chấp nhận và được đưa vào Hiệp định Hợp tác Khu vực về chống nạn cướp biển và cướp có vũ trang các tàu thuyền ở châu Á năm 2004 (ReCAAP). Do đó, hiện nay thực sự có hai định nghĩa trong luật pháp quốc tế: Một được qui định theo UNCLOS trong khi định nghĩa còn lại được qui định theo ReCAAP. Dù cả hai định nghĩa đều được xác định là hợp pháp, khi năng áp dụng của chúng thì khác nhau: Trong khi, định nghĩa đầu tiên giới hạn khi năng áp dụng của nó chỉ đối với các vùng biển quốc tế thì định nghĩa sau áp dụng cho tất cả các khu vực biển, dù thuộc quốc gia hay quốc tế. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, khi so sánh với UNCLOS, ReCAAP chỉ là một hiệp định khu vực áp dụng cho khu vực châu Á.

I. Những điểm biển gần đây của An ninh Hàng hải ở biển ồng

Biển ồng được xác định là một biển nửa kín theo UNCLOS và các quốc gia ven biển bờ ràng buc theo UNCLOS trong việc hợp tác trong những vấn đ mà h cùng quan tâm chung. Nh chúng ta đã biết, các quốc gia ven biển là các bên tham gia UNCLOS (xem bảng 1) và h có trách nhiệm trấn áp nạn cướp biển ở biển ồng theo đúng những điều khoản liên quan của Công ớc.

Tuy nhiên, do quy định không đầy đủ của định nghĩa về cướp biển trong UNCLOS cũng như những tranh chấp về lãnh thổ và hàng hải giữa các quốc gia ven biển, hợp tác trong đấu tranh chống nạn cướp biển chưa đủ hiệu quả và vẫn còn thiếu cơ chế đồng tác nghiệp cho mục tiêu đó. Bởi vậy, việc tìm kiếm một cách thực hợp tác mới là điều cần thiết.

Những diễn biến gần đây ở biển Đông đã cho thấy có một số đúng định đề thiết lập cơ chế chống lại nạn cướp biển. Thêm vào đó với việc tham gia UNCLOS, tất cả các quốc gia ven biển với biển Đông cũng là các bên tham gia ReCAAP.

1. ReCAAP

ReCAAP đã được ký kết vào ngày 11 tháng 11 năm 2004 bởi 16 quốc gia châu Á bao gồm Bang-la-desh, Bru-nei, Cam-pu-chia, Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Lào, Ma-lai-xi-a, Myanmar, Phi-líp-pin, Xri Lan-ca, Xing-ga-po, Hàn Quốc, Thái Lan và Việt Nam. Hiệp định đã có hiệu lực vào ngày 4 tháng 9 năm 2006 sau khi được 10 nước phê chuẩn. [3] Hiệp định buộc các quốc gia ký kết (a) ngăn chặn và trấn áp nạn cướp biển và cướp có vũ trang đối với tàu thuyền (b) bắt giữ cướp biển và những người có can dự các vụ cướp có vũ trang đối với tàu thuyền (c) tịch thu tàu thuyền và máy bay được sử dụng cho mục đích cướp biển hoặc cướp có vũ trang đối với tàu thuyền (d) gửi cứu tàu thuyền gặp nạn và các nhân viên của cướp biển và cướp có vũ trang đối với tàu thuyền. [4] C

ác quốc gia ký kết Hiệp định cam kết thực thi Hiệp định bao gồm việc ngăn chặn và trả áp nhân công biên và công có vị trạng đội với tàu thuyền “trong phạm vi cao nhất có thể” “theo đúng luật pháp và quy định của riêng từng quốc gia và tự thu vào nguồn lực sẵn có hay tiềm lực của họ” (Điều 2.1)

Vì mục đích trên, các quốc gia ký kết Hiệp định được yêu cầu hợp tác với nhau. Lĩnh vực đầu tiên cần hợp tác là chia sẻ thông tin. Mỗi bên ký kết Hiệp định chỉ định một đầu mối chịu trách nhiệm liên lạc với Trung tâm Chia sẻ Thông tin (ISC), và phải “đảm bảo việc liên lạc được hiệu quả và thông suốt giữa các đầu mối đã được chỉ định của mình, và giới chức trách có thẩm quyền ở quốc gia khác gồm cả các trung tâm phải hợp giới cứu, cũng như các tổ chức phi chính phủ có liên quan.” Mỗi bên ký kết Hiệp định phải “nỗ lực hết sức yêu cầu tàu thuyền, các chủ tàu, những người đi cầu khi cần phải thông tin tàu thuyền của mình, phải nhanh chóng báo cho các nhà chức trách của quốc gia có liên quan bao gồm cả các đầu mối, và Trung tâm khi cần thiết, về những vị đang đi với công biên hay công có vị trạng đội với tàu thuyền” (Điều 9). Các bên ký kết Hiệp định được yêu cầu phải nhanh chóng thông báo về thông tin của những nguy cơ sắp xảy ra, hoặc một vị đang đi với công biên hay công có vị trạng đội với tàu thuyền. Trong trường hợp một bên ký kết Hiệp định nhận được một báo động từ Trung tâm về một nguy cơ công biên và công có vị trạng đội với tàu thuyền sắp xảy ra, bên ký kết Hiệp định đó phải lập tức phát đi báo động đó tới mọi tàu thuyền bên trong khu vực sắp xảy ra nguy cơ như vậy (Điều 9). Hiệp định quy định các bên ký kết Hiệp định có quyền được yêu cầu cung cấp các thông tin về công biên và công có vị trạng đội với tàu thuyền. Bên ký kết Hiệp định được yêu cầu có nghĩa vụ thực thi các yêu cầu như vậy thông qua các biện pháp thiết thực và hiệu quả.

Lĩnh vực thứ hai cần hợp tác chính là những nỗ lực để đưa các biện pháp pháp lý và tổ pháp trong việc ngăn chặn và trả áp công biên và công có vị trạng bao gồm việc dẫn đờ và hỗ trợ pháp lý lẫn nhau. Theo Hiệp định, một bên ký kết Hiệp định phải cố gắng dẫn đờ công biên cho bên ký kết Hiệp định khác có thẩm quyền xét xử chúng và cung cấp những hỗ trợ pháp lý lẫn nhau về các vấn đề tài phạm bao gồm cả việc đi trình chững cả liên quan đến với công biên và công có vị trạng đội với tàu thuyền theo yêu cầu của bên ký kết Hiệp định khác, những tài cả những nỗ lực này cần cần cần vào luật pháp và qui định quốc gia của bên ký kết Hiệp định

liên quan. [5]

Lĩnh vực th ờ ba c ờn h ờp tác là quá trình xây dựng năng lực (gồm c ờ h ờ tr ờ kỹ thuật như các ch ờng trình đào tạo và giáo d ờc) theo như Hiệp đ ờnh bu ờc m ời bên ký k ờt Hiệp đ ờnh ph ời n ờ lực h ờp tác ờ m ờc đ ờ cao nhưt có th ờ v ời các bên ký k ờt Hiệp đ ờnh khác nhằm nâng cao năng lực trong vi ờc ng ờn ch ờn và tr ờn áp c ờp bi ờn và c ờp có v ờ trang đ ời v ời tàu thuy ờn (đ ờu 14.1). Các bên ký k ờt Hiệp đ ờnh c ờng đ ờ xuất nh ờng th ờa thuy ờn h ờp tác như nh ờng đ ờt di ờn t ờp chung v ời nhau (đ ờu 15).

Th ờa thuy ờn pháp lý quan tr ờng khác c ờa Hiệp đ ờnh này chính là vi ờc thành lập ISC, đ ờt t ời Xing-ga-po. Trung tâm bao gồm Hội đ ờng qu ờn tr ờ (trong c ờ c ờu ra quy ờt đ ờnh này, m ời bên ký k ờt Hiệp đ ờnh đ ờc c ờ m ờt đ ời di ờn) và ban th ờ ký (đ ờng đ ờu b ời Giám đ ờc đ ờu hành, ng ời ch ờu trách nhi ờm v ờ các v ờn đ ờ trong các v ờn đ ờ hành chính, quá trình ho ờt đ ờng, tài chính c ờa Trung tâm theo đúng nh ờng chính sách đã đ ờc quy đ ờnh b ời Hội đ ờng qu ờn tr ờ c ờng như các đ ờu kho ờn trong Hiệp đ ờnh). V ời m ờc đ ờch “thúc đ ờy quan h ờ h ờp tác g ờn bó h ờn gi ờa các bên ký k ờt Hiệp đ ờnh trong vi ờc ng ờn ch ờn và tr ờn áp c ờp bi ờn và c ờp có v ờ trang đ ời v ời tàu thuy ờn” (đ ờu 4.1), ISC đã chính th ờc thành lập vào tháng 11 n ờm 2007 và thông tin v ờ nh ờng ho ờt đ ờng c ờa nó có th ờ tìm t ời đ ờa ch ờ: http://www.recaap.org/index_home.html

Các ho ờt đ ờng th ờng nh ờt c ờa ISC đ ờc tài tr ờ b ời Qu ờc gia n ờc ch ờ nhà c ờng như các kho ờn đóng góp t ờ nguy ờn c ờa các bên tham gia khác ho ờc th ờm chí t ờ các ngu ờn khác đ ờc s ờ đ ờng ý c ờa Hội đ ờng qu ờn tr ờ (đ ờu 6.1). Ngoài Xing-ga-po, ba bên tham gia khác – Trung Qu ờc, Nh ờt B ờn và Hàn Qu ờc c ờng cung c ờp tài chính cho ho ờt đ ờng c ờa ISC.

Có m ờt s ờ đ ờc đ ờm v ờ ReCAAP. Th ờ nh ờt, m ờc dù các bên đàm phán đ ờu tiên c ờa Hiệp đ ờnh là 16 qu ờc gia châu Á, nh ờng vi ờc tham gia vào hi ờp ờc không b ờ h ờn

ch; bít k quc gia nào cng có th tham gia sau khi vi gia nhp c a nó có hi u líc theo quy đnh trong Hi p đnh (i u 18.5). Thứ hai, ReCAAP là hi p c quc t c th đ u tiên liên quan t i vi vic ng n ch n và tr n áp c p bi n. Do đó, ReCAAP đã tr thành m t hình m u lu t pháp cho nh ng th a thu n pháp lý khác trong khu v c. Có thông tin là m t hi p đnh t ng t s đ c ký k t ờ khu v c Tây n Ồng. Thứ ba, ISC đ c thành l p trong khuôn kh ReCAAP là m t t ch c quc t c a chính ph , khác bi t so v i các t ch c khác cng ho t đng v i nh ng ch c n ng t ng t ví d nh Trung tâm báo cáo tình hình c p bi n IMB (đ t t i Kuala Lumpur). Cu i cùng, ReCAAP đã góp ph n vào đnh ngh a pháp lý v c p bi n và c p có v trang đ i v i tàu thuy n nh đã đ c p ờ trên.

2. DOC 2002

Ngoài nh ng v n b n pháp lý có th cung c p c s cho vi c thiết l p m t c ch khu v c ch ng n n c p bi n ờ bi n Ồng, m t s v n ki n Lu t m m c ng đ ng m t vai trò quan tr ng trong v n đ n này. Tháng 11 n m 2002, m i thành viên ASEAN và Trung Qu c đã ký Tuyên b v ng x c a các bên ờ bi n Ồng (DOC), cam k t:

(1) “tái kh ng đnh cam k t c a các bên đ i v i nh ng m c tiêu và nguyên t c trong Hi n ch ng c a Liên H p Qu c, Công c Lu t bi n 1982 c a Liên H p Qu c, Hi p c Thân thi n và H p tác ờ Ồng Nam Á, N m nguyên t c v Chung s ng Hòa bình, và các nguyên t c c a lu t pháp quc t khác đã đ c công nh n r ng rãi đ c coi là c s chi ph i các m i quan h gi a quc gia v i quc gia”;

(2) “n l c tìm ki m cách th c nh m xây d ng lòng tin theo đúng nh ng nguyên t c

đã đợc cõp ợ trên và đợa trên cõ sõ bình đợng và tôn trợng lợn nhau”;

(3) “tái khợng đợnh tôn trợng và cam kợt cõa các bên đợi vợi quyợn tợ do lợu thông trên biợn và trên không ợ biợn ợợng theo quy đợnh cõa các nguyên tợc cõa luợt pháp quợc tợ đợ đợợc công nhợn rợng rợi, bao gợm cõ Công ợợc Luợt biợn 1982 cõa Liên Hợp Quợc”;

(4) “cam kợt giợi quyợt các tranh chợp vợ lãnh thợ và quyợn tài phán bợng nhợng phợợng thợc hòa bình, không đợ đợa sõ đợng hay sõ đợng vợ lợc, thông qua tham vợn và đờm phán mợt cách thân thiợn giợa các quợc gia có chợ quyợn có liên quan trợc tiợp, theo nhợng nguyên tợc cõa luợt pháp quợc tợ đợ đợợc công nhợn rợng rợi, bao gợm cõ Công ợợc Luợt biợn 1982 cõa Liên Hợp Quợc”;

(5) “cam kợt kiợm chợ trong các hành vi ợng xợ có thợ làm phợc tợp hoợc leo thang các tranh chợp và gây ợnh hợợng tợi hòa bình và ợn đợnh bao gợm viợc hợn chợ các hoợt đợng chiợm đợng nhợng hờn đợo hiợn chợa có ngợợi ợ, các bãi đá ngợm, các bãi cợn, các đợo nhợ và các đợim khác và giợi quyợt nhợng bợt đợng giợa các bên vợi thái đợ xây đợng”, và “cam kợt tợng cợợng nhợng nợ lợc tìm kiợm các phợợng thợc nhợm xây đợng sõ tin cợy và lòng tin giợa và lợn nhau trên tinh thợn hợp tác và hiợu biợt, bao gợm: a. tợ chợc các cuợc đợi thoợi và trao đợi ý kiợn khi cợn thiợt giợa các quan chợc quân sõ và quợc phợng cõa các bên; b. đợm bợo đợi xợ đợng mợc và nhàn đợo vợi tợt cõ nhợng ngợợi đờng gợp nguy hiợm hoợc tai hợa trên biợn; c. thông báo vợ các cuợc tợp trợn chung/phợi hợp sợp diợn ra tợi các bên liên quan khác trên cõ sõ tợ nguyợn; d. trao đợi các thông tin có liên quan”, trong khi chợ đợi thợa thuợn hòa bình vợ các tranh chợp lãnh thợ và quyợn tài phán trên cõ sõ tợ nguyợn;

(6) “tìm kiợm hoợc triợn khai các hoợt đợng hợp tác bao gợm a. bợo vợ môi trợợng biợn; b. nghiên cợu khoa hợc biợn; c. an toàn hàng hợi và giao thông trên biợn; d. các hoợt đợng tìm kiợm và cợu nợn; e. đợu tranh chợng tợi phợm xuyên quợc gia, bao gợm buôn lợu ma tuý, cợợp biợn và cợợp có vợ trang trên biợn, buôn bán vợ khí trái phép”, trong khi chợ đợi thợa thuợn toàn diợn và lâu dời cho các tranh chợp;

(7) “sợn sàng tiợp tợc thợo luợn và đợi thoợi giợa các bên vợ các vợn đợ liên quan, thông qua các phợợng thợc mà các bên chợp thuợn, gợm cõ viợc thợo luợn thợợng xuyên vợ viợc tuân thợ Tuyên bợ này, nhợm mợc đợch thúc đợy quan hợ lợng giợng

tựt và tính minh bạch, tạo dựng sự hòa hợp, hợp tác và hiểu biết lẫn nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho giải pháp hòa bình đối với những tranh chấp của các bên”;

(8) “cam kết tôn trọng các điều khoản của Tuyên bố này và hành động phù hợp với Tuyên bố”;

(9) “khuyến khích các quốc gia khác cũng tôn trọng các nguyên tắc đã được ghi nhận trong Tuyên bố này; và

(10) “tái khẳng định việc thông qua một bộ quy tắc ứng xử ở biển Đông sẽ góp phần tăng cường hơn nữa hòa bình, ổn định trong khu vực và đóng ý hành động, hướng tới đạt được mục tiêu này trên cơ sở nhất trí”. [6]

Vấn kiện có tầm quan trọng xét trong bối cảnh vấn đề biển Đông ban đầu chỉ mang tính chất song phương, nay đã trở thành vấn đề khu vực và cần được giải quyết theo khuôn khổ hợp tác Trung Quốc – ASEAN. Như tổng thống Phi-líp-pin Arroyo đã tuyên bố, thỏa thuận này không chỉ cho một bước “đột phá về ngoại giao” đối với hòa bình trong khu vực và là bước đi đầu tiên trong việc thực thi quy tắc ứng xử của ASEAN với Trung Quốc.

Sau khi ký kết Tuyên bố 2002, ASEAN và Trung Quốc đã thiết lập hai cơ chế trong năm 2005 nhằm mục đích thực thi Tuyên bố: một là “Hội nghị các Quan chức Cấp cao ASEAN – Trung Quốc về thực thi Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC)”, thứ hai là “Nhóm Công tác chung ASEAN – Trung Quốc về việc thực thi DOC”. Trong khi cơ chế ad hoc đầu tiên sẽ xem xét lại quá trình thực thi DOC 2002 và thảo luận những nguyên tắc và các phương thức của quá trình thực thi đó, cơ chế thứ hai, được nhóm họp 2 lần một năm, sẽ hỗ trợ động dục sự chuyển đổi của Hội nghị các Quan chức Cấp cao ASEAN – Trung Quốc.

Hội nghị các Quan chức Cấp cao ASEAN – Trung Quốc t ập ch ập vào tháng 12 năm 2004 đã thông qua những đi ều khoản tham kh ỏo c ủa nhóm công tác chung (JWG). Theo những đi ều khoản Tham kh ỏo, nhiệm vụ chính c ủa JWG là “nghiên cứu và đi ều xu ất những bi ện pháp giúp bi ện những đi ều khoản c ủa DOC thành những hoạt đ ộng hợp tác c ố th ể nhằm m ục đích t ăng c ường s ự tin c ậy và hi ệu bi ết l ần nhau”. JWG đi ều ra các đi ều xu ất và đi ều đ ồng l ợi ch ỗ đ ỗ và k ế ho ạch hành đ ộng cho vi ệc th ực thi DOC 2002 c ũng nh ư v ề các l ĩnh v ực hợp tác c ố th ể nh ư b ạo v ề môi tr ường bi ện, nghiên cứu khoa h ọc bi ện nh ư đã li ệt kê trong DOC 2002. Hội nghị JWG t ập ch ập ộ Tam Á, Trung Quốc vào tháng 2 năm 2006 đã trao đ ổi các ý ki ến v ề đi ều đ ồng l ợi ch ỗ đ ỗ vi ệc th ực thi DOC 2002, th ảo lu ận v ề các đi ều xu ất đ ề án bên trong các l ĩnh v ực hợp tác liên quan và đi ều ra K ế ho ạch Hoạt đ ộng năm 2006. Đáng ti ếc r ằng, sau đó đã không có ti ến tri ến đáng k ể nào.

Tuy nhiên, c ũng c ần ghi nh ận là DOC đã tuyên b ố rõ r ằng n ền c ấp bi ện và c ấp có v ị trang trên bi ện là m ột trong những l ĩnh v ực mà các bên ký k ết Hi ệp đ ịnh nên hợp tác đi ể tìm ra m ột k ế ho ạch hành đ ộng. M ột nhiệm vụ c ấp thi ết c ủa các bên ký k ết Hi ệp đ ịnh là vi ệc xem xét làm th ể nào đi ể t ăng c ường tính hi ệu qu ả c ủa DOC trong quá trình th ực thi. Hợp tác trong vi ệc tr ần áp c ấp bi ện r ất có th ể là m ột th ể đ ể đ ể đánh giá hi ệu qu ả trong vi ệc th ực thi DOC.

3. Qu ộc-ASEAN

Nh ững dàn x ếp An ninh phi truy ền th ụng gi ữa Trung

Do những tranh chấp trên biển Đông chủ yếu giữa Trung Quốc và một vài quốc gia ASEAN, nên quan điểm và chính sách của Trung Quốc đối với biển Đông cũng như đối với việc hợp tác chung nên có lập trường là rất quan trọng. Trong mối quan hệ Trung Quốc- ASEAN, Trung Quốc thực hiện chính sách “duy trì sự ổn định và phát triển của Trung Quốc, giữ gìn hòa bình và an ninh trong các khu vực láng giềng, thúc đẩy đối thoại và hợp tác, khuyến khích sự hòa hợp và sự thịnh vượng chung trong khu vực”. Trung Quốc đã tham dự Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) kể từ năm 1995. Trung Quốc công khai ủng hộ vai trò tích cực của ARF trong việc duy trì hòa bình và ổn định khu vực, đồng thời đang tìm kiếm và phát triển đối thoại và hợp tác trong lĩnh vực an ninh không chính thức, bao gồm những khung báo cáo báo chí. Tại ARF SOM từ tháng 5 năm 2002, Trung Quốc đã phân phát Tuyên bố lập trường của mình về Tổng cộng Hợp tác trong lĩnh vực các vấn đề An ninh phi truyền thống. Bên cạnh đó, các vấn đề an ninh phi truyền thống cũng được thảo luận tại các diễn đàn ASEAN cũng 1 và các hội nghị ASEAN cũng Trung Quốc.

Vào tháng 11 năm 2002, Tuyên bố chung của ASEAN và Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực các vấn đề an ninh phi truyền thống (Tuyên bố chung) đã được thông qua. Tuyên bố này chủ trương hợp tác toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc trong lĩnh vực các vấn đề an ninh phi truyền thống, và xác định những ưu tiên và hình thức hợp tác. Hai bên cam kết sẽ đưa ra các biện pháp và phương thức để tăng cường năng lực giữa quy định các vấn đề an ninh phi truyền thống của mình nhằm mục tiêu giữ gìn an ninh và hòa bình khu vực. Hai bên cũng đồng ý hợp tác trong việc trao đổi thông tin, trao đổi và đào tạo nhân lực, bồi dưỡng năng lực, nghiên cứu chung và các lĩnh vực khác. Những ưu tiên ở giai đoạn hợp tác hiện nay bao gồm “đấu tranh chống buôn lậu ma túy, buôn lậu ngỗng bao gồm buôn lậu phi n và tr em, báo chí, khung báo, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế và tội phạm tin học.”

Tiếp theo kết quả của Tuyên bố Trung Quốc – ASEAN, Trung Quốc và ASEAN (đều có sự cho phép của chính phủ các quốc gia thành viên của mình) đã ký kết Bản ghi nhớ giữa chính phủ các quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về hợp tác trong lĩnh vực các vấn đề an ninh phi truyền thống (MOU về các vấn đề an ninh phi truyền thống) tại Băng-cốc vào ngày 10 tháng 1 năm 2004, [7] nêu lên để đạt được các mục tiêu và

nguyên tắc quy định trong Tuyên bố. Hai bên cam kết phát triển những chiến lược thi đấu thực nghiệm “tăng cường năng lực của từng quốc gia cũng như của khu vực nói chung trong việc đối phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống”, những “theo đúng luật pháp và quy định quốc gia của mỗi bên” (điều 1),

[\[8\]](#)

và xác định bốn lĩnh vực hợp tác tiếp theo: (1) trao đổi thông tin; (2) đào tạo và trao đổi nhân lực và Trung Quốc sẽ tổ chức các cuộc hội thảo và các khóa đào tạo có liên quan; (3) hợp tác trong việc thực thi luật pháp bao gồm các lĩnh vực như “thu thập chứng cứ, truy tìm các kho tàng phi pháp, bắt giữ và áp giải về nước tội phạm bị trốn và hoàn trả các kho tàng phi pháp”; và (4) các nghiên cứu chung của các học giả và chuyên gia.

[\[9\]](#)

MOU bắt đầu có hiệu lực vào ngày được ký kết và sẽ còn hiệu lực trong thời hạn 5 năm. Tháng 11 năm 2007, Trung Quốc và các quốc gia thành viên ASEAN đã tổ chức một hội nghị tham vấn cấp Bộ trưởng ở Bandar Seri Begawan và đồng ý xem xét và hiệu chỉnh lại MOU vào năm 2009. Từ khi năm cấp bộ trưởng trở thành một trong những vấn đề được ưu tiên trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống, nó đồng nghĩa nhiên được đưa vào chương trình nghị sự hợp tác Trung Quốc – ASEAN.

Bên cạnh đó, Trung Quốc đã ký kết các Hiệp định song phương về hợp tác hàng hải với một số quốc gia ASEAN, ví dụ như, với In-đô-nê-xi-a (25 tháng 4 năm 2005), với Ma-lai-xi-a (25 tháng 8 năm 2006). [\[10\]](#) Về việc dân sự và hải quân liên quan đến trốn áp cấp bộ trưởng, Trung Quốc đã bắt đầu đàm phán các Hiệp định song phương về thông tin pháp và/hoặc dân sự với các quốc gia khác từ năm 1985 và đã ký kết các Hiệp định như vậy với các quốc gia Đông Nam Á khác (Xem bảng 2).

II. Kinh nghiệm Malacca

Eo biển Malacca và Xing-ga-po là tuyến đường vận tải hàng hải quan trọng bậc nhất, nối liền ọn ọn Đông và ọn ọn ọn. ọi ọu đó có nghĩa là tàu thuyền đi ngang qua eo biển này cũng phải đi ngang qua biển ọn. Một phân tích so sánh gần đây đã chỉ ra rằng có hơn 50.000 lượt tàu thuyền lưu thông qua eo biển Malacca hàng năm, chiếm 40% giao thông của thế giới trong khi đó khoảng 21.000 lượt tàu thuyền thông qua vịnh Aden mỗi năm (Xem bảng 3)

Nọn cọp biển đã từng là một vấn đề nghiêm trọng đe dọa tới an toàn hàng hải ọ Eo biển. Các quốc gia ọn gần Eo biển Malacca đã có những đóng góp quan trọng nhằm thiết lập một cơ chế chung chung trong việc đấu tranh chống ọn cọp biển. Hợp tác ba bên về an ninh hàng hải ọ Eo biển Malacca giữa In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Xing-ga-po đã bắt đầu vào đầu những năm 2000. Ba quốc gia đã thực hiện một cuộc tuần tra phối hợp chung cọp biển trên các vùng biển của mình ọ Eo biển Malacca và Xing-ga-po. Vào cuối tháng 7 năm 2005, một kế hoạch giám sát trên biển và trên không đã được thảo luận, nhằm tăng cường việc triển áp ọn cọp biển trên tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng này. Tháng 8 năm 2005, ba quốc gia trên đã đồng ý thực hiện kế hoạch tuần tra trên không đối với Eo biển Malacca kể từ tháng 9 năm 2005 và cũng đồng ý thành lập một nhóm chuyên gia kỹ thuật về an ninh hàng hải thuộc ba bên. Hiện tại có ba cơ chế thích hợp chung cọp biển: Tuần tra trên biển khu vực Eo biển Malacca (MSSP), 'Giám sát trên không' (Eis) và Nhóm trao đổi thông tin (IEG) (Xem bảng 3).

Trong ba quốc gia trên, Xing-ga-po là quốc gia tích cực nhất trong việc giữ gìn an ninh hàng hải. Mặc dù cả ba quốc gia ven Eo biển Malacca là các bên tham gia UNCLOS, chỉ có duy nhất Xing-ga-po phê chuẩn Công ọc năm 1988 về triển áp những hành vi bắt hợp pháp chung lợi an toàn hàng hải (Công ọc SUA) cũng như ReCAAP. [11] Năm 2007, chính phủ Xing-ga-po cùng với IMO đã tri ọu tập Hội nghị về Eo biển Malacca và Xing-ga-po: Tăng cường An toàn, An ninh và Bảo vệ Môi trường (Hội nghị Xing-ga-po), hội nghị đã thành lập ra Cơ chế Hợp tác về Eo biển Malacca và Xing-ga-po. Cơ chế gồm có Di ọn đàn Hợp tác, Ủy ban D ọ án Hợp tác, Qu ọ hội trợ Hàng hải. Các quốc gia sở ọn Eo biển, trong đó bao gồm cả Úc, Trung Quốc, Nhật Bản, Vương Quốc Anh và Hoa Kỳ, đã bày tỏ sự ọng hỗ m ọnh m ọ ọi với sáng kiến này.

Như có những nưc đợc biết của các quc gia nưm quanh Eo biển này, số lượng các vư tại nưn do cốp biển gây ra đã giảm mọt cách đáng k (Xem bng 3).

III. Trọn áp nưn cốp biển Xô-ma-li: những gợi ý đoi vưi biển ồng

Trong những nưm gần đây, nưn cốp biển Tây nưn Dng, đợc biết ư gần b biển Xô-ma-li đang tng lên (Xem bng 3). Nó đã tr thành vưn đ đợc quc t quan tâm . Vào tháng 6 nưm 2008 Hội đng Bọ an Liên Hp Quc đã thông qua mọt ngh quy t chng cốp biển và cốp có vư trang ngoài b biển của Xô-ma-li (Ngh quy t 1816). Cùng vưi vi c bày t mưi quan tâm sâu sưc vư nưn cốp biển và cốp có vư trang đoi vưi tàu thuy n ư các vùng biển ngoài b biển Xô-ma-li, Hội đng Bọ an cng nhn đnh rng những vư tại nưn do hưi tợc gây ra như vưy đã làm trm trng hưn tình hình ư Xô-ma-li “ti p tợc là mưi đe đoa đoi vưi an ninh và hòa bình quc t trong khu vưc”. Do đó, Hội đng Bọ an quy t đnh hành đng theo Chng VII của Hi n chng Liên Hp Quc. Hội đng bọ an khuy n cáo “các quc gia có tàu thuy n hư quân và máy bay quân số hốt đng ư vùng biển quc t và trên không phn ngoài khưi b biển Xô-ma-li c n cnh giác trợc các hành vi cốp biển và cốp có vư trang” và “h p tác vưi nhau, vưi IMO, vưi các tợc khư vưc có liên quan khi c n thi t, đng thưi chia s thông tin vư các hành đng cốp biển và cốp có vư trang trong các vùng lãnh hưi và vùng biển quc t ngoài khưi b biển Xô-ma-li, đng thưi có s trợ giúp đoi vưi những tàu thuy n b đe đoa hợc đang b t n công bưi hưi tợc và những tên cốp có vư trang, theo đúng luật pháp quc t liên quan”. [12] Quan trng hưn, Hội đng Bọ an đã quy t đnh rng “trong vòng sáu tháng k tợc ngày ngh quy t có hưu lợc, các quc gia h p tác vưi TFG [13] trong đou tranh chng cốp biển và cốp có vư trang trên biển ngoài b biển của Xô-ma-li, nưu có thông báo trợc tợc vưi Tng Th ký, có th: (a) đ

vào lãnh hải của Xô-ma-li-a vì mục đích ngăn chặn các hành vi cướp biển và cướp có vũ trang trên biển, phù hợp với những hành động được luật pháp quốc tế liên quan cho phép tại các vùng biển quốc tế có liên quan đến cướp biển; (b) sẽ đồng tác các biển pháp của thiết để ngăn chặn các hành vi cướp biển và cướp có vũ trang phù hợp với những hành động được luật pháp quốc tế liên quan cho phép tại các vùng biển quốc tế có liên quan đến cướp biển khi ở bên trong lãnh hải của Xô-ma-li-a, ”.

Đây là lần đầu tiên, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đưa vấn đề cướp biển vào chương trình nghị sự của mình và coi đó như một vấn đề đe dọa tới an ninh và hòa bình quốc tế. Theo Hiến chương Liên Hợp Quốc, các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc buộc phải thực thi các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc vì đã có qui định rằng các thành viên Liên Hợp Quốc đồng ý tán thành và thực hiện các quyết định của Hội đồng Bảo an theo đúng Hiến chương. Hơn nữa, các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc có trách nhiệm góp phần vào việc giữ gìn an ninh và hòa bình quốc tế bằng việc hỗ trợ và thực hiện cho các hoạt động mà Hội đồng Bảo an đảm nhận, như gửi lực lượng quân sự, sẽ trợ giúp và các phương tiện, gồm cả quyết định đi qua. [\[14\]](#) Những điều khoản này trong Hiến chương Liên Hợp Quốc đã tạo ra một cơ sở pháp lý cho các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc hành động theo đúng Nghị quyết 1816.

Sau khi Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc thông qua một vài nghị quyết quan trọng liên quan đến việc trấn áp cướp biển ở Xô-ma-li-a, các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, từng nhóm một hoặc theo nhóm nhóm, đã gửi tàu chiến, đến các vùng biển Xô-ma-li-a và Vịnh Aden theo đúng những nghị quyết của Liên Hợp Quốc. Các Lực lượng Hải quân phải hợp đồng đầu là Hoa Kỳ đã thành lập Lực lượng đặc nhiệm phải hợp 151 (CTF-151) vào tháng 1 năm 2009 để chặn các hoạt động chong cướp biển trong và xung quanh Vịnh Aden, Biển Ả-rập, Ấn Độ Dương và Biển Đỏ. Liên minh châu Âu đã tiến hành những hoạt động hải quân của mình nhằm chống lại nạn cướp biển Xô-ma-li theo khuôn khổ Chính sách Phòng thủ và An ninh châu Âu được gọi là EU NAVFOR (Hoạt động Atalanta). Một vài quốc gia châu Á cũng đã gửi tàu chiến đến các vùng biển Xô-ma-li với mục đích ngăn chặn và trấn áp nạn cướp biển.

Trung Quốc lần đầu tiên đã gửi tàu chiến tới những khu vực biển xung quanh Xô-ma-li, góp phần vào những nỗ lực quốc tế trong việc trấn áp nạn cướp biển Xô-ma-li. Hơn 100 hải quân của Trung Quốc gồm có hai tàu khu trục và một tàu tiếp tế lần đầu tiên đã hoàn thành nhiệm vụ hải trình đầu tiên của mình cho bốn tàu buôn Trung Quốc vào ngày 6 tháng 1 năm 2009. Theo phát biểu của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc ngày 20 tháng 12 năm 2008, nhiệm vụ của hải quân Trung Quốc là bảo vệ tàu thuyền Trung Quốc và thủy thủ đoàn trên tàu công nghệ những tàu thuyền chở hàng cứu trợ nhân đạo của các tổ chức quốc tế bao gồm cả Chương trình Lương thực Thế giới, theo đúng các quy định của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế. Theo một thông tin được Bộ Giao thông Trung Quốc ban hành, các tàu buôn Trung Quốc gồm cả các tàu buôn tới Hồng-Kông, Ma-cao, Đài Loan có thể yêu cầu hải quân hải trình khi đi vào Vịnh Aden và biển Xô-ma-li thông qua Hải phận của tàu Trung Quốc.

Có một điều nghịch lý là các quốc gia châu Á tiến hành các hoạt động hải quân chống lại nạn cướp biển xa tới tận châu Phi trong khi nạn cướp biển vẫn là một vấn đề nhức nhối ở ngay những vùng biển nằm sát họ. Mọi người đang tự hỏi rằng liệu các quốc gia châu Á có thể sẵn lòng lực lượng hải quân của mình để quét sạch nạn cướp biển ở ngay gần họ hay không khi nạn cướp biển ngày càng đe dọa nhiều hơn đến lợi ích hàng hải của các quốc gia châu Á. Mặc dù những năm gần đây, các quốc gia có liên quan đã thực hiện những cuộc tập trận quân sự trên biển công nghệ nhằm mục đích nghiên cứu và cứu nạn hàng hải công nghệ trấn áp nạn cướp biển, đã đến lúc các quốc gia ven biển công nghệ nên xem xét làm thế nào để biển những cuộc tập trận này trở thành những hoạt động thực sự chống lại nạn cướp biển.

Kết luận

Cần chú ý vào những giới thích ở trên, có thể đưa ra một vài nhận xét cụ thể cùng. Trước tiên, không nghi ngờ gì về các số pháp lý cho việc thiết lập các chương trình liên quan đến đã được thiết lập. Các quốc gia liên quan có thể sử dụng một vài kênh hiện có để xây dựng một cơ chế như vậy. Các hội nghị và thực thi DOC 2002 có thể là một trong những kênh này. Ngoài ra, chúng ta cũng nên xem xét các chính phủ liên quan sử dụng hiện tại như ý kiến chính trị của mình thông qua việc tiến hành giai đoạn “gác những tranh chấp sang một bên để cùng duy trì an ninh hàng hải” ở biển Đông. Nhóm xóa bỏ những lo ngại về tác động của chế độ trừng phạt này đối với những yêu sách chủ quyền, các chính phủ liên quan không nên tìm kiếm những lợi ích đơn phương từ việc hợp tác chung của các quốc gia liên quan. Việc hợp tác như vậy sẽ đưa tới việc đôi bên cùng có lợi. Cần phải được các hội nghị kinh nghiệm quý báu tích lũy được từ hợp tác Malacca

Thứ hai, việc chia sẻ thông tin là được biết đến thiết yếu trong hợp tác an ninh ở những khu vực biển tranh chấp. Điều này có thể được thực hiện bằng việc thiết lập một cơ chế để chia sẻ về an ninh hàng hải ở biển Đông và một hệ thống trao đổi thông tin. Có thể được áp dụng những kinh nghiệm thu được từ Trung tâm Chia sẻ Thông tin ReCAAP thành lập tháng 11 năm 2006.

Thứ ba, về những vấn đề an ninh truyền thông và phi truyền thông phức tạp và luôn thay đổi, các quốc gia liên quan cũng nên xem xét đưa vào vấn đề hợp tác về an ninh và chung của các quốc gia liên quan ở biển Đông lên hàng đầu trong các chương trình nghị sự của mình nhằm mục đích xây dựng sự đồng thuận trong việc thiết lập một khuôn khổ hợp tác an ninh hàng hải đa phương trong một tương lai không xa. [15] Việc hợp tác như vậy sẽ khiến thị trường này áp dụng một cách tiếp cận chuyên ngành.

Mỗi năm trước, Tôi đã trình bày một bài tham luận trong Hội thảo về nỗn Cỗp biển đợc Hiệp hội Luật sư Quốc tế Xing-ga-po tổ chức, trong đó tôi đã kêu gọi sự hợp tác khu vực chợng nỗn cỗp biển Ồ biển Ồng. [16] Vào thời điểm đó, thì chợa có DOC, chợa có ReCAAP, và các cộ chợ mang tính đợnh chợ như eo biển Malacca cũng như chợa có các nghợ quyợt cợa UN. Hiện tại, các đợu kiện hợp tác đã đợc cợi thiợn hợnh nghiợu và quan trọng hợnh là Hội đợng Bợo an Liên Hiệp Quốc đã coi nỗn cỗp biển như một mối đe đợa đợi vợi an ninh và hòa bình quốc tế, coi cỗp biển tợng tợ như nỗn khợng bợ. Bợi vậy, hoàn toàn có lý khi cho rợng các quốc gia liên quan sẽ tìm ra một kế hoợch hành đợng nhợm giợi quyợt loợi tợi phợm đã hoành hành lâu nay Ồ biển Ồng và biển biợn Ồng trở thành một vùng biển cợa bình yên và hợp tác.

Bợng 1: Viợc thông qua Công ợợc Quốc tế chợng cỗp biển Ồ Ồng Á

Quốc gia

UNCLOS 1982
(ngày/tháng/nợm)

Công ợợc SUA 1988
(ngày/tháng/nợm)

Bru-nei Da-ru-sa-lam

05/11/1996

	04/12/2003
--	------------

Cam-pu-chia

	18/08/2006
--	------------

Trung Quốc

	07/06/1996
--	------------

	01/03/1992
--	------------

In-đô-nê-xi-a

	03/02/1986
--	------------

Nhật Bn

	20/06/1996
--	------------

	23/07/1998	
--	------------	--

Hàn Quốc(B c)

--

--

Hàn Quốc(Nam)

	29/01/1996
--	------------

	14/05/2003
--	------------

Lào

	05/06/1998
--	------------

--

Ma-lai-xi-a

14/10/1996

Mông C

13/08/1996

Myanmar

21/05/1996

19/09/2003

Phi-líp-pin

		08/05/1984
--	--	------------

	06/01/2004
--	------------

Xing-ga-po

	17/11/1994
--	------------

	03/02/2004
--	------------

Thái Lan

--

--

Việt Nam

	25/07/1994
--	------------

	10/10/2002
--	------------

Nguồn: theo tác giả.

Bảng 2: Các Hiệp ước dân đ/t/ông tr t pháp song phương giữa Trung Quốc và các quốc gia ông Á khác (tính đ n ngày 31 tháng 8 n m 2008)

Quốc gia

Loại hiệp ước

Ký kết

Có hiệu lực

Cam-pu-chia

Dân đ

09/02/99

13/12/00

In-đô-nê-xi-a

Dân số & Hình số

24/07/00

28/07/06

Nhật Bản

Hình số

01/12/07

29/08/08*

Lào

Dân số & Hình số

Dộn đ

25/01/99

04/02/02

15/12/01

13/08/03

Mông c

Dân s & Hình s

Dộn đ

31/08/89

19/08/97

29/10/90

10/01/99

Triệu Tiên

Dân số & Hình số

19/11/03

21/01/06

Phi-líp-pin

Hình số

Dân số

16/10/00

30/10/01

12/03/06

Xing-ga-po

Dân số & Thông m

28/04/97

27/06/99

Hàn Quốc

Hình s

D

Dân số & Thông m

12/11/98

18/10/00

07/07/03

24/03/00

12/04/02

27/04/05

Thái Lan

Dân số & Thống m i

D n đ i

Hình s i

16/03/94

26/08/93

21/06/03

06/07/97

07/03/99

20/02/05

Việt Nam

Dân số & Hình số

19/10/98

25/12/99

Nguồn: do tác giả chủn bđ đđa trên <http://www.fmprc.gov.cn/chn/wjb/zziq/tyfls/tfsczk/zgywgsbtyylb/t422584.htm>

* Ngày Trung Quốc thông qua

Bảng 3: Vùng Sông Phi Châu và Eo biển Malacca: Phân tích và so sánh.

Vị trí

Vùng Sừng Phi Châu/Vịnh Aden

Eo biển Malacca

Nhóm quốc gia Bắc của châu Phi, Vịnh Aden nằm ở Đông Địa Trung Hải và Đông Địa Trung Hải, kênh đào Suez và

Nhóm quốc gia Nam châu Ấn Độ Mã-xi-a, Ma-lai-xi-a, Các quốc gia và Eo biển Hồng Hải, eo biển Malacca

Tầm quan trọng với Thông mại Hàng Hải

Xấp xỉ 21.000 lượt tàu thuyền thông qua Vịnh Aden

Hơn 50.000 lượt tàu thuyền thông qua Eo biển Malacca mỗi năm, chi

[]

[]

[]

[]

[]

[]

[]

[]

[]

Số lượng các cuộc tấn công của cấp biên (2003-2008)

[]

Số lượng các cuộc tấn công (gồm cả ch ờ đ ờnh cấp và đã cấp) ở Vịnh Aden, Biên ờ và

Số lượng các cuộc tấn công âm mưu cướp và d (p)

Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2009: 130 vụ trong 240 vụ tấn công t

Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2009 2 vụ trong 240 vụ t

2008: 111 vụ trong 293 vụ tấn công trên toàn thế giới.

2008: 2 vụ trong 293 vụ tấn công trên toàn thế giới

2007: 44 vụ trong 263 vụ tấn công trên toàn thế giới

2007: 7 vụ trong 263 vụ tấn công trên toàn thế giới.

2006: 20 vụ trong 239 vụ tấn công trên toàn thế giới.

2006: 11 vụ trong 239 vụ tấn công trên toàn thế giới.

2005: 45 vụ trong 276 vụ tấn công trên toàn thế giới.

2005: 12 v trong 276 v t n công trên toàn th gi i.

2004: 10 v trong 329 v t n công trên toàn th gi i.

2004: 38 v trong 329 v t n công trên toàn th gi i.

2003: 21 v trong 445 v t n công trên toàn th gi i

2003: 28 v trong 445 v t n công trên toàn th gi i

Các ho t đ ng ch ng c p bi n đang đi n ra

Th a thu n đa qu c gia ch y u

Th a thu n khu v c ch y u

• Hoa K đ ng đ u, L c l o ng o c nhi m Ph i h p đa qu c gia, đ o c g i là CTF 150

• ‘Ho t đ ng NAVFOR ATALANTA’ c a Liên minh châu Âu; và

• Ho t đ ng b o v i d o ng c a NATO.

• **Tuần tra trên biển khu vực Eo biển Malacca (MSSP); ‘Giám sát**

Nguồn: Roderick Chia, Pau Khan Khup Hangzo and Kevin Punzalan, “Khai thác hàng hải ở Eo biển Malacca: Bước vào vùng biển mới”, Nghiên cứu về an ninh phi truyền thống (NTS), ngày 1 tháng 8 năm 2009, trang 10.

GS. Zou Keyuan, Trường Luật Lancashire, Đại học Central Lancashire, Anh.

[Download bản PDF](#)

[1] Article 105 of the LOS Convention.

[2] For the discussion on the definitional deficiencies, see Zou Keyuan “New Developments in the International Law of Piracy”, *Chinese Journal of International Law*, Vol. 8, 2009, 341-344.

[3] It is regretted that two major Straits States Indonesia and Malaysia have not yet ratified the Agreement.

[4] Article 3 of the ReCAAP.

[5] See Articles 12-13 of the ReCAAP.

[6] Text is available at <http://www.aseansec.org/13163.htm> (accessed 9 June 2008).

[7] Text is available at <http://www.aseansec.org/15647.htm> (accessed 1 May 2008).

[8] This wording is difficult to be understood in the fact that non-traditional security issues as listed in the MOU are transnational crimes and international law is indispensable for their prevention and punishment. But only national laws are mentioned here.

[9] See Article 2 of the MOU on Non-Traditional Security Issues.

[10] See Joshua Ho, “Enhancing Safety, Security, and Environmental Protection of the Straits of Malacca and Singapore: The Cooperative Mechanism”, *Ocean Development and International Law*, Vol.40, 2009, p.238.

[11] Text is reprinted in 27 ILM 672 (1988).

[12] See UN Doc S/RES/1816 (2008).

[13] It refers to the Transitional Federal Government of Somalia.

[14] See Article 43 of the UN Charter.

[15] See Wu Shicun and Zou Keyuan, "Maritime Security in the South China Sea: Cooperation and Implications", in Wu Shicun and Zou Keyuan (eds.), *Maritime Security in the South China Sea: Regional Implications and International Cooperation* (Surrey, England: Ashgate, 2009), 11-12.

[16] The revised version of the paper is published as Zou Keyuan, "Issues of Public International Law Relating to the Crackdown of Piracy in the South China Sea and Prospects for Regional Cooperation", *Singapore Journal of International and Comparative Law*, Vol.3 (2), 1999: 524-544.